

CÔNG TY TNHH ATA VIỆT NAM INTERIOR
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ATA VIỆT NAM INTERIOR

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ATA VIET NAM INTERIOR COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: ATA VIET NAM INTERIOR CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110407373

3. Ngày thành lập: 04/07/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 259 Phố Doãn Kế Thiện, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0916116393

Fax:

Email: Thuylinh.atavietnam.noithatxanh@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4530
10.	Bán mô tô, xe máy (không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4543
13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4610

14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không bao gồm động vật hoang dã, quý hiếm; không bán buôn nông sản, các loại đậu tại trụ sở địa điểm kinh doanh)	4620
15.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
16.	Bán buôn thực phẩm (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4632
17.	Bán buôn đồ uống (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4633
18.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4634
19.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4641
20.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4649
21.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4651
22.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4652
23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4653
24.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4659
25.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4661
26.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng)	4662
27.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4663
28.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4669
29.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hợp báo) (Không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh) (Không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	8230
30.	Dịch vụ đóng gói	8292
31.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Loại trừ hoạt động đầu giá)	8299
32.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Loại trừ hoạt động của các nhà báo độc lập)	9000
33.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311

34.	Hoạt động thể thao khác	9319
35.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
36.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
37.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
38.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
39.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
40.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
41.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
42.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
43.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
44.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
45.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639
46.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản - Mua, bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở - Mua, bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở - Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở - Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở	6810
47.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Tư vấn, môi giới bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản (trừ đấu giá)	6820
48.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế kiến trúc; thiết kế kết cấu công trình, thiết kế cơ - điện công trình, thiết kế cấp - thoát nước công trình - Giám sát thi công xây dựng	7110
49.	Quảng cáo Chi tiết: - Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
50.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410(Chính)
51.	Cho thuê xe có động cơ (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	7710
52.	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: trừ loại Nhà nước cấm (không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4690

53.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4711
54.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4719
55.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4721
56.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4722
57.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4723
58.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4724
59.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4730
60.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
61.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
62.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
63.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
64.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
65.	Sản xuất cà phê	1077
66.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
67.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
68.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
69.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
70.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
71.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
72.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
73.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
74.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
75.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
76.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
77.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
78.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
79.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
80.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4774

81.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản theo quy định Luật đấu giá tài sản)	4791
82.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4799
83.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
84.	Cơ sở lưu trú khác	5590
85.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5610
86.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
87.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
88.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
89.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
90.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (Trừ cho thuê máy bay và kính khí cầu)	7730
91.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Loại trừ hoạt động của trung tâm giới thiệu việc làm). (Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép)	7810
92.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
93.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
94.	Đại lý du lịch Chi tiết: Kinh doanh đại lý lữ hành; kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (Luật du lịch năm 2017)	7911
95.	Điều hành tua du lịch	7912
96.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
97.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
98.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
99.	Sản xuất nhạc cụ	3220
100.	Xây dựng nhà để ở	4101
101.	Xây dựng nhà không để ở	4102
102.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
103.	Xây dựng công trình đường bộ	4212

104.	Xây dựng công trình điện	4221
105.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
106.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
107.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
108.	Xây dựng công trình thủy	4291
109.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
110.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
111.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Đầu tư xây dựng mới và sửa chữa, cải tạo nâng cấp chợ (chỉ được kinh doanh khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép) (Không bao gồm chia tách đất với cải tạo đất)	4299
112.	Phá dỡ (Loại trừ hoạt động nổ bom, mìn)	4311
113.	Chuẩn bị mặt bằng (Loại trừ hoạt động nổ bom, mìn)	4312
114.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
115.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4741
116.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4742
117.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4751
118.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4752
119.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4753
120.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4759
121.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4763
122.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4764
123.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4771

124.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4772
125.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4773

6. Vốn điều lệ: 30.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: PHAN THỊ THÙY LINH

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 23/03/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 017190000449

Ngày cấp: 29/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 16B, Dãy B1, Tập thể quân đội, Tổ 11, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 16B, Dãy B1, Tập thể quân đội, Tổ 11, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHAN THỊ THÙY LINH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 23/03/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 017190000449

Ngày cấp: 29/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 16B, Dãy B1, Tập thể quân đội, Tổ 11, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 16B, Dãy B1, Tập thể quân đội, Tổ 11, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội